

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ - ST

Ngày 04 tháng 8 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Ngô Thị Vân Anh và bà Lê Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà: Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa:

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2022/TLST- HNGĐ ngày 14/4/2022 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm: 1993 (*có mặt*);

+ Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm: 1985 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T1, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị B và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào đầu tháng 5 năm 2012, đến ngày 18/6/2012 vợ chồng mới đến Ủy ban nhân dân xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được 08 (tám) năm, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau anh T thường hay uống rượu không lo làm ăn, anh T đi uống rượu về lại đánh vợ. Bản thân chị B đã cố gắng chịu đựng hoàn cảnh này trong khoảng thời gian dài, chị B đã góp ý cho anh T nhiều lần. Gia đình hai bên nội, ngoại đã khuyên giải nhưng

anh T vẫn không sửa đổi, chị B đã về sống với bố mẹ để một thời gian mục đích để anh T thay đổi, nhưng anh T Vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02/2022. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh T không có trách nhiệm gì với vợ con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Lê Hữu T, sinh ngày 01/02/2020, từ khi vợ chồng ly thân cháu T ở với chị B, vợ chồng ly hôn chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là: 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Tại bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Hữu T đồng ý với phần trình bày về phần đăng ký kết hôn của chị B. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian là 08 (tám) năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng hay cãi cọ nhau, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Từ khi chị B sinh con năm 2020, chị B xin anh đem con về ở với bố mẹ đẻ, để được bố mẹ chị giúp đỡ chăm sóc con, sau đó chị B đi làm Công ty. Thời gian về sống với bố, mẹ đẻ thì chị B không quan tâm đến chồng, gia đình nhà chồng, mỗi người đi làm một nơi. Nên từ ngày 03/02/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung là Lê Hữu T, sinh ngày 01/02/2020, vợ chồng ly hôn cháu T đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên anh T đồng ý giao cháu T cho chị B nuôi dưỡng, chị B yêu cầu anh cấp dưỡng hàng tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) anh đồng ý.

Về tài sản; công nợ: Chị Đỗ Thị B và anh Lê Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Đỗ Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, ngày 21/6/2022 chị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Đỗ Thị B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân

huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lê Hữu T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành pháp luật.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị B và anh Lê Hữu T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị B là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị B và anh T kéo dài, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu về chửi bới, đánh đập chị B, anh T không lo làm ăn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Ngày 13/6/2022 chị Đỗ Thị B đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị B và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, ngày 21/6/2022 chị B có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị B.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 01 (một) con chung là Lê Hữu T, sinh ngày 01/02/2020. Tại phiên tòa chị B và anh T tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T cho chị Đỗ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Lê Hữu T đủ 18 tuổi, anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản; công nợ* : Chị Đỗ Thị B và anh Lê Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị B, anh Lê Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị B được ly hôn anh Lê Hữu T

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của chị Đỗ Thị B và anh Lê Hữu T. Giao cháu Lê Hữu Tình, sinh ngày 01/02/2020 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh Lê Hữu T có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0015323 ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị B đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Lê Hữu T phải nộp 300.000đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị B, anh Lê Hữu T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/8/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Dương sự;
- UBND Thọ Thanh;
- Lưu HSVA.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Tâm

